

Máy thông minh, Làm việc thông minh

Các dòng IC-F3400D/F4400D là các máy vô tuyến cầm tay IDAS thế hệ mới của Icom. Kết hợp thiết kế tiên tiến, hiệu suất vượt trội và một loạt các tính năng tích hợp bao gồm GPS và Bluetooth®, công nghệ Chống ồn chủ động, phát lại giọng nói kỹ thuật số và cổng USB để dễ dàng lập trình và truyền dữ liệu. Có ba phiên bản cho VHF và UHF, mỗi máy vô tuyến đều có màn hình LCD màu có độ phân giải cao trong thân máy nhỏ gọn, chống nước IP68.

Nhỏ, mỏng và thời trang với SoC (System-on-a-Chip) tùy chỉnh

Nhiều chế độ hoạt động (Chế độ khả dụng tùy theo phiên bản)

- NXDN™/dPMR™ truyền thống
- Có thể nâng cấp lên trung kế NXDN™ Kiểu-D
- Có thể nâng cấp lên trung kế dPMR™ Chế độ 3
- FM tương tự

Màn hình màu LCD chuyển đổi độ phân giải cao

Khả năng xử lý công suất cao tùy chỉnh của Icom loa cho âm thanh mạnh mẽ 1300 mW

Tích hợp các chức năng Bluetooth®, ghi âm thoại, chống ồn chủ động

Các chức năng phát hiện chuyển động/đứng yên, người bị ngã và người làm việc một mình

Tiêu chuẩn mã hoá DES, tùy chọn AES với OTAR (Over-the-Air-Rekeying)



IC-F3400DT

IC-F3400DS

IC-F3400D

CÁC TÍNH NĂNG

Các dòng **IC-F3400D • IC-F4400D****Các tính năng chung**

- Các phiên bản 136–174, 380–470, 450–520 MHz
- 1024 Kênh / 128 Vùng, 32 Kênh / 2 Vùng (Kiểu không màn hình)*
* IC-F3400D/F4400D/F3400DP/F4400DP (Kiểu không màn hình): Lên đến 32 kênh chọn được trong số 1024 kênh có thể được phân bổ cho nút vận kênh.
- 4000 Kênh với khoá cấp phép tùy chọn, ISL-CHEX
- Màn hình màu LCD chuyển đổi độ phân giải cao*
* Đối với IC-F3400DT/F3400DS/F3400DPT/F3400DPS/F4400DT/F4400DS/F4400DPT/F4400DPS (Kiểu có màn hình)
- Các cài đặt màn hình chế độ ban ngày và ban đêm
- Các chức năng và các mục trình đơn lập trình được ở ngôn ngữ khác tiếng Anh (Ví dụ tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ)
- Nút xoay liên tục và nút Bật/Tắt âm lượng
- Công tắc tay gạt nhanh trên bảng điều khiển trên cùng có thể lập trình cho các chức năng khác nhau như khóa, xáo trộn/mã hóa, v.v.
- Loa tùy chỉnh của Icom cho âm lượng lớn 1300 mW
- Âm thanh được cải thiện rõ ràng
- Chịu sốc, rung, nhiệt độ và hơn nữa theo tiêu chuẩn MIL-STD-810 G
- Chống nước (độ sâu 1 m nước trong 1 giờ) và kháng bụi IP68
- AquaQuake™ ngăn suy giảm âm thanh do nước do loa bị thấm nước
- Kích thước mỏng 29.3 mm (1.2 inch) (có thời pin BP-303)
- Hiển thị thông tin pin
- Bàn phím dạng phẳng cung cấp không gian nút lớn và bảo vệ máy vô tuyến tránh bụi
- Tự động quay số DTMF và bộ mã hoá

Chế độ làm việc (Chế độ sẵn có tùy theo phiên bản)

- NXDN hoặc dPMR chế độ 1/chế độ 2 truyền thống
- NXDN hoặc dPMR truyền thống nhiều vị trí thông qua mạng IP
- Trung kế một/nhiều vị trí NXDN Kiểu-D*
* Cần có khoá cấp phép (ISL-UGMTR).
- Trung kế dPMR Chế độ 3*
* Cần có khoá cấp phép (ISL-UGMD3). Không sẵn có ở tất cả các vùng miền.
- Chế độ kỹ thuật số 12.5 kHz (NXDN truyền thống)
- Chế độ tương tự
- Hoạt động kết hợp tương tự/kỹ thuật số (chế độ truyền thống)

Các chức năng kỹ thuật số (Thoại và Dữ liệu)

- Chức năng lập trình không dây (OTAP)*
* Cần có tùy chọn trình quản lý OTAP (CS-OTPM1).
- Alias không dây (OAA) gửi tên riêng bằng một cuộc gọi
- Cập nhật không dây (OTAU) thay đổi dữ liệu kênh bộ lập lại và mã vị trí bằng phương thức không dây (trung kế NXDN Kiểu-D)
- Cuộc gọi riêng lẻ, gọi nhóm và gọi tất cả
- Nhập liệu cuối cho gọi nhóm
- Cuộc gọi trạng thái và thăm dò
- Tin nhắn dữ liệu ngắn (Lên đến 100 ký tự)
- Báo cuộc gọi (NXDN)
- Vị trí GPS
- Chế độ dữ liệu minh bạch (dPMR)



Kiểm tra trang web của chúng tôi để biết thêm về băng tần hẹp FDMA 6,25 kHz.



www.icomjapan.com/explore/digital

Các chức năng tương tự

- CTCSS và DTCS tone
- 2-Tone và 5-Tone
- Các chức năng MDC (Tùy theo phiên bản)
- BIIS 1200 (MSK)
- Trung kế LTR™ (Tùy theo phiên bản)

An toàn và an ninh

- Mã hoá: DES (4-khoá mã, 64-khoá mã)*, AES
* 4-khoá mã tiêu chuẩn. 64-khoá mã DES cần có UT-134. AES cần có UT-134 và ISL-AKAES.
- Chức năng Đặt lại khoá mã không dây (Over-the-Air-Rekeying) (OTAR).
* Cần có trình quản lý OTAR (CS-OTAR1).
- Bộ xáo trộn thoại kỹ thuật số (Mức mã hoá thấp)
- Bộ xáo trộn thoại tương tự (Đảo ngược)
- Mật khẩu khi bật nguồn • Nhóm chiến thuật tạm thời cấu hình lại thoại nhóm người dùng • Đánh hồng, vô hiệu hoá và khôi phục từ xa
- Giám sát từ xa (NXDN)/lắng nghe môi trường (dPMR)
- Phím Emergency cho cuộc gọi khẩn cấp
- Chức năng người bị ngã • Chức năng người làm việc một mình
- Phát hiện chuyển động/dừng yên

Các chức năng quét kênh

- Quét ưu tiên
- Quét bỏ phiếu để hoà mạng vị trí

Các chức năng thoại/âm thanh

- Thông báo thoại (Số hiệu kênh và vùng)
- Chức năng VOX để vận hành thoại rảnh tay
- Ghi âm/phát lại thoại (Lưu vào một thẻ nhớ microSD)*
* Cần có thẻ nhớ microSD riêng.
- Thông tin sau đây có thể được nhón trong tệp tin WAV; các ID người dùng, vị trí GPS, tần số, âm lượng AF, RSSI, v.v..
(Tùy theo cài đặt).
- Thông báo kênh được tùy chỉnh
- Bộ chống ồn chủ động TX/RX
- Bộ cân bằng âm thanh TX/RX (Phẳng, tăng cường âm cao/trung/trầm, cắt mức thấp)
- Bộ biên dịch âm thanh (Chế độ tương tự)

Các tính năng phần cứng

- Lập trình được báo rung và âm chuông
- Tích hợp Bluetooth® cho âm thanh và dữ liệu không dây
- Bộ tai nghe không dây Bluetooth® của bên thứ ba (ví dụ, 3M™ Peltor™ WS™ dòng 5) có thể dùng được*
* Không đảm bảo khả năng tương thích với tai nghe Bluetooth® của bên thứ ba.
- Lập trình không dây máy vô tuyến thông qua Bluetooth®
- Đầu nối USB cho chế độ truyền dữ liệu hoặc chế độ đầu đọc thẻ
- Phụ kiện đầu nối 14 chân
- Tích hợp GPS với màn hình vị trí GPS và chức năng tự động ghi nhật ký
- Đồng hồ bên trong có điều chỉnh thời gian tự động
- Khe cắm thẻ nhớ microSD

CÁC THÔNG SỐ

Các dòng **IC-F3400D • IC-F4400D**

		IC-F3400DT/DS/D Phiên bản NXDN	IC-F3400DT/DS/D Phiên bản dPMR	IC-F4400DT/DS/D Phiên bản NXDN	IC-F4400DT/DS/D Phiên bản dPMR
TỔNG QUAN					
Phạm vi tần số (Tùy theo phiên bản)		136–174 MHz	136–174 MHz	380–470 MHz, 450–520 MHz	380–470 MHz
Số lượng kênh		1024 kênh /128 vùng 4000 kênh /128 vùng (Tùy chọn)* ¹ 32 kênh /2 vùng (Kiểu không màn hình)* ²			
Kiểu phát xạ (Tùy theo phiên bản)	Tương tự	16K0F3E* ³ , 14K0F3E, 11K0F3E, 8K50F3E	16K0F3E* ³ , 14K0F3E, 11K0F3E, 8K50F3E	16K0F3E* ³ , 14K0F3E, 11K0F3E, 8K50F3E	16K0F3E* ³ , 14K0F3E, 11K0F3E, 8K50F3E
	Kỹ thuật số hẹp (DN)	8K30F1E/D	–	8K30F1E/D	–
	Kỹ thuật số rất hẹp (DVN)	4K00F1E/D	4K00F1E/D	4K00F1E/D	4K00F1E/D
Yêu cầu nguồn nuôi		7.5 V DC danh định			
Dòng dẫn (xấp xỉ)	Tx	1.5 A		1.8 A	
	Rx	580 mA /140 mA (âm lượng lớn nhất (Loa trong)/Standby)		580 mA /140 mA (âm lượng lớn nhất (Loa trong)/Standby)	
Trở kháng an-ten		50 Ω			
Dải nhiệt độ làm việc		–30 °C đến +60 °C; –22 °F đến +140 °F (Thông số máy vô tuyến)			
Kích thước (W × H × D; Không gồm đầu phát xạ)		53.6 × 123.5 × 29.3 mm; 2.1 × 4.9 × 1.2 in (có BP-303)			
Khối lượng (xấp xỉ)		215 g; 7.6 oz (Khối máy chính)		340 g; 12.0 oz (có BP-303, MB-133 và FA-S81VS)	
				335 g; 11.8 oz (có BP-303, MB-133 và FA-S81US)	
MÁY PHÁT					
Công suất đầu ra (Hi, L2, L1)		5 W, 2 W, 1 W			
Độ ổn định tần số		±1.0 ppm			
Phát xạ giả		80 dB điển hình (USA) 0.25 μW (≤ 1 GHz), 1.0 μW (> 1 GHz) (EUR)			
Tập nhiễu FM		55 dB điển hình (@25 kHz), 55 dB điển hình (@12.5 kHz)(USA)		60 dB điển hình (@25 kHz), 59 dB điển hình (@12.5 kHz) (USA)	
Độ méo hài âm thanh		0.5% điển hình (AF 1 kHz độ méo 40%)		0.4% điển hình (AF 1 kHz độ méo 40%)	
Lỗi FSK		1% điển hình (@DVN/DN*)			
MÁY THU					
Độ nhạy	Kỹ thuật số (1% BER)	–5.5 dBμV emf điển hình (0.26 μV điển hình) (@DVN), –4.0 dBμV emf điển hình (0.32 μV điển hình) (@DN*)		–4.0 dBμV emf điển hình (0.32 μV điển hình) (@DVN), –4.0 dBμV emf điển hình (0.32 μV điển hình) (@DN*)	
	Tương tự (12 dB SINAD)	0.22 μV typical		0.23 μV typical	
	Tương tự (20 dB SINAD)	–5.5 dBμV emf điển hình (@25/20 kHz), –2.5 dBμV emf điển hình (@12.5 kHz)		–5.0 dBμV emf điển hình (@25/20 kHz), –2.0 dBμV emf điển hình (@12.5 kHz)	
Độ lựa chọn kênh lân cận	Kỹ thuật số	71 dB điển hình (@DVN), 70 dB điển hình (@DN*)		66 dB điển hình (@DVN), 66 dB điển hình (@DN*)	
	Tương tự	80 dB điển hình (@25 kHz), 76 dB điển hình (@12.5 kHz)		75 dB điển hình (@25 kHz), 72 dB điển hình (@12.5 kHz)	
Loại bỏ phản hồi giả		81 dB điển hình		76 dB điển hình	
Loại bỏ xuyên điều chế	Kỹ thuật số	72 dBμV emf điển hình (@DVN), –41 dBm điển hình (@DN*)		73 dBμV emf điển hình (@DVN), –41 dBm điển hình (@DN*)	
	Tương tự	75 dB điển hình (USA) 67 dB điển hình (EUR)		74 dB điển hình (USA) 68 dB điển hình (EUR)	
Công suất âm đầu ra	Loa trong	1300 mW điển hình (ở độ méo 5%, tải 12 Ω)			
	Loa ngoài	1000 mW điển hình (ở độ méo 5%, tải 8 Ω)			

Các phép đo được thực hiện phù hợp với TIA-603, EN300 086, EN301 166, EN300 113. Tất cả các thông số có thể thay đổi mà không có nghĩa vụ báo trước.

*1 Cần có tùy chọn khóa cấp phép (ISL-CHEX).

*2 IC-F3400D/F4400D/F3400DP/F4400DP (Kiểu không màn hình): Chọn được lên đến 32 kênh trong số 1024 kênh có thể được phân bổ cho nóm vận kênh.

*3 Bảng thông 25 kHz không còn đối với giấy phép FCC Part 90 đối với phiên bản USA.

*4 DVN: Kỹ thuật số rất hẹp (6.25 kHz), DN: Kỹ thuật số hẹp (12.5 kHz). DN chỉ cho phiên bản NXDN.

Các chế độ NXDN/dPMR không tương thích lẫn nhau. Giao thức/chế độ máy vô tuyến không thể thay đổi sau khi mua.

Các thông số & tiêu chuẩn IP được áp dụng trong Quân đội Mỹ

Tiêu chuẩn	MIL 810G	
	Phương pháp	Quy trình
Áp suất thấp	500.5	I, II
Nhiệt độ cao	501.5	I, II
Nhiệt độ thấp	502.5	I, II
Sốc nhiệt	503.5	I-C
Bức xạ mặt trời	505.5	I
Mưa hạt/nhỏ giọt	506.5	I, III
Độ ẩm	507.5	II
Sương muối	509.5	—
Bụi thổi	510.5	I
Ngâm nước	512.5	I
Rung	514.6	I
Xóc	516.6	I, IV

Cũng thỏa mãn tiêu chuẩn tương đương MIL-STD-810-C, -D, -E và -F.

Tiêu chuẩn bảo vệ đầu vào	
Bụi & Nước	IP68 (Bảo vệ kháng bụi và chống nước)

Tuổi thọ pin

Thời pin	Kiểu	Dung lượng	Thời gian hoạt động*
BP-303	Li-ion 7.2 V	3350 mAh (typ.), 3200 mAh (min.)	16.5 giờ (Xấp xỉ)

* Chu kỳ công suất Tx: Rx: standby = 5:5:90. Chức năng tiết kiệm nguồn Bật.

Các phụ kiện được cung cấp: (Có thể khác tùy theo phiên bản)
• Thời pin BP-303 • Kẹp thắt lưng MB-133

CÁC PHỤ KIỆN TỰ CHỌN

Các dòng

IC-F3400D • IC-F4400D

■ THỜI PIN

BP-303: Pin sạc Li-ion 7.2 V/3350 mAh (typ.), 3200 mAh (min.). Tiêu chuẩn bảo vệ IP68.

■ CÁC BỘ SẠC

BC-226: Bộ sạc nhanh nhiều kết nối (kết nối lên đến 6 khối BC-226). Sạc cho BP-303 trong khoảng 4.2 giờ. Bộ chuyển đổi AC dùng cho khối đơn. Cần có giắc cắm kiểu thẳng.

BC-123S: Bộ chuyển đổi AC dùng cho khối đơn. Cần có giắc cắm kiểu thẳng.
+ BC-228: Bộ chuyển đổi AC. Cần một bộ chuyển đổi AC cho 6 bộ sạc.

BC-227: Bộ sạc bàn kiểu nhỏ gọn. Sạc cho BP-303 trong khoảng 4.4 giờ. Cần có bộ chuyển đổi AC BC-123S được cung cấp cùng BC-227.

■ CÁC CÁP NGUỒN NUÔI

CP-23L: Cáp bộ sạc trên xe để dùng với.

OPC-515L: Cáp nguồn DC để dùng với BC-227.



(Có thể kết nối đến sáu BC-226)



■ LOA KÈM MI-CRÔ

HM-222: Loa kèm mi-crô có nút ấn khẩn cấp và giắc cắm tai nghe 3.5 mm. Tiêu chuẩn bảo vệ IP68.



■ CÁC BỘ TAI NGHE VÀ CÁP CÔNG TÁC PTT

HS-94: Bộ tai nghe (Sử dụng với VS-4MC)

HS-95: Bộ tai nghe choàng sau đầu (Sử dụng với VS-4MC).

HS-97: Mi-crô áp họng (Sử dụng với VS-4MC).

VS-4MC: Cáp công tắc PTT. Cần có VS-4MC khi sử dụng bất kỳ HS-94, HS-95 hoặc HS-97.



■ CÁC KẸP THẮT LƯNG, MÓC TREO THẮT LƯNG VÀ VỎ ĐỰNG

MB-133: Kẹp thắt lưng cá sấu. Giống như được cung cấp.

MB-136: Kẹp thắt lưng kiểu xoay.

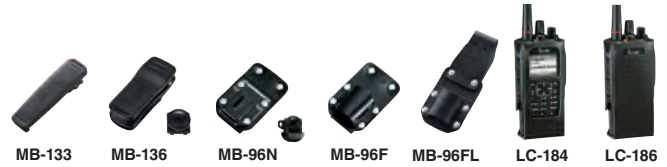
MB-96N: Móc treo thắt lưng da kiểu xoay.

MB-96F: Móc treo thắt lưng da kiểu cố định. Để dùng với MB-133.

MB-96FL: Móc treo thắt lưng da kiểu cố định dài. Để dùng với MB-133.

LC-184: Vỏ đựng loại cứng. Có thể sạc khi đang lắp vỏ đựng.

LC-186: Vỏ đựng loại cứng. Có thể sạc khi đang lắp vỏ đựng.



■ CÁC TỰ CHỌN VÀ CÁP KHÁC

AD-118: Bộ chuyển đổi ACC. Để sử dụng với giắc Hirose.

UT-134: Khối mã hóa AES/DES.

OPC-2338: Cáp lập trình. Kiểu USB-14 chân.

OPC-1870: Cáp sao chép vùng. Loại sao chép từ máy cầm tay sang máy cầm tay.

OPC-2362: Cáp sao chép vùng. Loại sao chép từ máy cầm tay sang máy di động.

■ CÁC PHẦN MỀM VÀ KHÓA KÍCH HOẠT

CS-OTPM1: Phần mềm quản lý OTAP.

CS-OTAR1: Phần mềm quản lý OTAR.

CS-KLD2: Bộ nạp mã khóa cho UT-134.

ISL-UGMTR: Khóa mã nâng cấp trung kế NXDN™ Kiểu-D.

ISL-UGMD3: Khóa mã nâng cấp trung kế dPMR™ Mode 3. (Không sẵn có ở tất cả các vùng miền)

ISL-AKAES: Khóa mã kích hoạt AES.

ISL-CHEX: Khóa mã mở rộng kênh.

ISL-AK25K: Khóa mã kích hoạt 25 kHz.

ISL-AKSTM: Bộ phân phối thiết lập chế độ khóa mã kích hoạt.

■ CÁC AN-TEN

FA-S81V: 136–150 MHz

FA-S82V: 148–162 MHz

FA-S83V: 160–174 MHz

FA-S81U: 380–430 MHz

FA-S82U: 430–480 MHz

FA-S83U: 470–520 MHz

■ CÁC AN-TEN NGẮN

FA-S81VS: 136–150 MHz

FA-S82VS: 148–162 MHz

FA-S83VS: 160–174 MHz

FA-S81US: 400–450 MHz

FA-S82US: 450–490 MHz

■ CÁC AN-TEN KIỂU CẮT

FA-S67VC: 136–174 MHz

FA-S76UC: 380–520 MHz

Một số tùy chọn có thể không sẵn có ở một số quốc gia. Hãy hỏi đại lý bán hàng của bạn để biết thông tin.

Việc sử dụng các sản phẩm này phụ thuộc vào các quy định của địa phương. Icom, Icom Inc. và logo Icom là các nhãn hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Icom (Nhật Bản) tại Nhật Bản, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Úc, New Zealand và / hoặc các quốc gia khác. NXDN là thương hiệu của Tập đoàn Icom và JVC KENWOOD Corporation. dPMR và logo dPMR là nhãn hiệu của Hiệp hội dPMR MoU. IDAS và logo IDAS là thương hiệu của Tập đoàn Icom. LTR là nhãn hiệu của E.F. Johnson Technologies, INC. Windows là nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và / hoặc các quốc gia khác. Biểu trưng và nhãn hiệu Bluetooth® là các nhãn hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và bất kỳ việc sử dụng các nhãn hiệu như vậy của Icom Inc. đều phải được cấp phép. 3M, Peltor và WS là các nhãn hiệu của Công ty 3M. Tất cả các nhãn hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng. Xem thêm về văn bản nguồn này/Nhập văn bản nguồn để có thông tin dịch thuật bổ sung

Icom Inc.

1-1-32, Kamiminami, Hirano-Ku, Osaka 547-0003, Japan Phone: +81 (06) 6793 5302 Fax: +81 (06) 6793 0013

www.icomjapan.com **Hãy tin chúng tôi!**

Icom America Inc.
www.icomamerica.com

Icom (Europe) GmbH
www.icomeurope.com

Icom (Australia) Pty. Ltd.
www.icom.net.au

Icom Canada
www.icomcanada.com

Icom Spain S.L.
www.icomspain.com

Icom Asia Co., Ltd.
www.icomasia.com

Icom Brazil
E-mail: sales@icombrasil.com

Icom (UK) Ltd.
www.icomuk.co.uk

Shanghai Icom Ltd.
www.bjicom.com

Icom France s.a.s.
www.icom-france.com

Nhà phân phối/bán hàng địa phương bạn: